

Số: 693 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng (nay là quy hoạch phân khu) Khu công nghiệp Việt Hàn, huyện Việt Yên (tỷ lệ 1/2.000)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Văn bản số 216/TTg-CN ngày 23/02/2021 của Thủ tướng chính phủ, đồng ý với đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 443/BKHĐT-QLKKT ngày 25/02/2021) về Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang;*

*Căn cứ Công văn số 2231/BXD-QHKT ngày 16/06/2021 của Bộ Xây; số 3727/BCT-KH ngày 25/6/2021 của Bộ Công Thương; số 4126/BKHĐT-QLKKT ngày 29/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến các đồ án quy hoạch các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 254/BC-SXD ngày 12/7/2021; Ban Quản lý các KCN tỉnh tại Tờ trình số 44/TTr-KCN ngày 05/7/2021.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng (nay là quy hoạch phân khu) Khu công nghiệp Việt Hàn, huyện Việt Yên (tỷ lệ 1/2.000), với các nội dung chính như sau:

### 1. Ranh giới và phạm vi nghiên cứu.

a) *Vị trí khu đất, ranh giới:*

Phạm vi ranh giới, diện tích quy hoạch điều chỉnh cục bộ Khu công nghiệp Việt Hàn không thay đổi so với ranh giới đã được phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Việt Hàn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000. Ranh giới cụ thể được xác định như sau:

- Phía Bắc và Tây Bắc: Giáp đất ruộng và khu dân cư xã Hồng Thái;
- Phía Nam: Giáp đường cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn;
- Phía Đông: Giáp đất ruộng và khu dân cư xã Tăng Tiến;
- Phía Tây và Tây Nam: Giáp KCN Đình Trám và thôn Mi Điền.

b) *Quy mô đồ án:* Quy mô khu vực nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch: 197,61 ha; trong đó diện tích lập điều chỉnh Khu công nghiệp Việt Hàn là 197,31 ha.

### 2. Tính chất.

Là khu công nghiệp tập trung, đa ngành, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực: công nghiệp cơ khí chế tạo, cơ khí chính xác, thiết bị điện, máy móc thiết bị xây dựng, thiết bị y tế, sản xuất hàng tiêu dùng,...có công nghệ hiện đại, tiên tiến, thân thiện với môi trường (ưu tiên bố trí các ngành công nghiệp nhẹ, thân thiện với môi trường giáp khu vực dân cư, hạn chế thu hút đầu tư các ngành công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường vào trong khu công nghiệp).

### 3. Nội dung điều chỉnh quy hoạch.

3.1 *Điều chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật.*

\* *Điều chỉnh về giao thông:*

- Bỏ tuyến đường D2 đoạn từ nút giao N2 đến Nút giao N11, một phần diện tích đất giao thông của tuyến đường này chuyển sang đất cây xanh cách ly rộng 10m theo quy định tại mục 2.5.2 QCVN 01:2019/BXD;

- Điều chỉnh lại nút giao N9-N11 thuộc tuyến D1 giao với D2 và N1 cho đảm bảo êm thuận;

- Kết nối đoạn N1-N2 trên tuyến D2 với tuyến N4, cắt đoạn tuyến N4-N5 chuyển xuống phía Nam khu công nghiệp 220m nâng mặt cắt đoạn đường này lên 27m cho phù hợp với quy hoạch chung giao thông huyện Việt Yên; Nâng

chiều rộng mặt đường tuyến N2 từ 10,5m lên 11,25m cho phù hợp với đoạn N1-N2 trên tuyến D2;

- Tăng chiều rộng mặt đường tuyến D3 từ 3 làn xe (mặt rộng 10,5m) lên 4 làn xe (mặt rộng 15m) để đảm bảo phục vụ các lô đất công nghiệp hai bên tuyến;

- Điều chỉnh hướng tuyến của tuyến N1 để đảm bảo tuyến N1 vuông góc với các tuyến D2, D3 và đảm bảo đấu nối với nút giao N14 trên đường nối quốc lộ 17 với quốc lộ 37 và đường N2;

- Điều chỉnh hướng tuyến đoạn cuối đường N1A đảm bảo trùng với tuyến đường nối quốc lộ 17 với quốc lộ 37 đã được đầu tư xây dựng;

- Điều chỉnh nâng mặt cắt đường dân sinh theo quy hoạch được duyệt rộng 4m điều chỉnh lên mặt cắt rộng 13,5m (mặt đường rộng 7,5m, hè đường mỗi bên rộng 3m);

- Điều chỉnh mặt cắt đường đoạn đầu tuyến đường D6 từ mặt cắt đường rộng 34m có phân cách giữa sang đường rộng 27m không có dải phân cách giữa (Mặt đường vẫn đảm bảo 4 làn xe); Kéo dài tuyến đường D6 đảm bảo đấu nối với đường nối quốc lộ 17 với quốc lộ 37;

- Dịch chuyển tuyến N2 và điều chỉnh hướng tuyến N2 song song với tuyến đường dây 110KV, mặt cắt giữ nguyên theo đồ án được duyệt;

- Điều chỉnh cao độ nút giao thông cho phù hợp với tuyến đường nối quốc lộ 17 với quốc lộ 37 và hiện trạng khu vực xung quanh;

- Bổ sung ranh giới nghiên cứu hoàn trả đường dân sinh thôn Mi Điền với mặt cắt đường 12,0m (mặt đường 8,0m; hè đường mỗi bên rộng 2,0m).

\* *San nền*: Điều chỉnh cao độ san nền các lô đất đảm bảo phù hợp với cao độ hiện trạng khu vực xung quanh.

\* *Các hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm*: Cấp thoát nước, thu gom, xử lý nước thải, cấp điện, chiếu sáng và thông tin liên lạc được điều chỉnh, tính toán lại công suất cho phù hợp với phương án quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông điều chỉnh nêu trên.

### 3.2. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

- Điều chỉnh bỏ một phần diện tích đất công nghiệp các lô CN-1-1; CN-1-2 và CN-1-3 để bố trí đất cây xanh tập trung trong khu công nghiệp, kết hợp làm cây xanh cảnh quan của khu di tích mộ cụ Thân Công Tài;

- Điều chỉnh đất cây xanh giữa các lô CN6-2 và CN7-1 thành đất công nghiệp;

- Bố trí một phần đất cây xanh tại lô CVNT2 thành đất bãi đỗ xe, mở rộng diện tích cây xanh khu công viên nghĩa trang;

- Cất một phần diện tích đất CN7-3 làm đất HTKT;

- Điều chỉnh lại các lô đất CN8-6, CN8-7, CN8-8; CN9-1 đến CN9-6 cho phù hợp với phương án tổ chức giao thông điều chỉnh;

- Điều chỉnh vị trí bãi đỗ xe P3 đảm bảo phục vụ đỗ xe trong khu công nghiệp và đỗ xe cho khu di tích Quận Công Lê Tương Công;

- Điều chỉnh diện tích đất cây xanh thuộc CVNT -3 cho phù hợp với phương án tổ chức giao thông, hiện trạng các ngôi mộ trong nghĩa trang đã được mở rộng;

- Điều chỉnh khu đất HTKT3 từ vị trí giáp với tuyến N3 về vị trí mới giáp tuyến N2 điều chỉnh ( dự kiến xây dựng trạm 110KV) do thuận tiện cho việc đấu nối với đường dây 110KV;

- Điều chỉnh bố trí lại hồ cảnh quan đảm bảo khai thác hiệu quả quỹ đất cho sản xuất công nghiệp; khu vực dự kiến làm hồ sự cố và một phần hồ cảnh quan được bố trí làm bãi đỗ xe; Điều chỉnh bố trí hồ sự cố trong khu đất HTKT cho đảm bảo với khu xử lý nước thải;

- Điều chỉnh lại quy mô diện tích khu đất dịch vụ;

- Điều chỉnh ranh giới khu di tích Quận Công Lê Tương Công cho phù hợp với hiện trạng đã xây dựng;

- Điều chỉnh lại mật độ xây dựng, tầng cao, tỷ lệ đất giao thông trong khu cho phù hợp với QCVN 01: 2019/BXD của Bộ Xây dựng.

#### 4. Quy hoạch sử dụng đất.

Bảng cơ cấu sử dụng đất trước và sau điều chỉnh:

Số TT	Loại đất	Đã duyệt tại QĐ số: 377/QĐ-UBND ngày 20/6/2018		Sau điều chỉnh	
		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ
I	Đất hành chính dịch vụ khu công nghiệp	19.760	1,00	9.963	0,51
II	Đất nhà xưởng, kho bãi	1.362.400	69,05	1.309.819	66,38
III	Đất cây xanh, mặt nước + tôn giáo	352.600	17,87	416.417	21,10
1	<i>Cây xanh</i>			325.012	
2	<i>Mặt nước</i>			78.087	
3	<i>Tôn giáo</i>			13.318	
IV	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	25.500	1,29	25.369	1,29
V	Đất giao thông	212.900	10,79	211.525	10,72
1	<i>Đất xây dựng đường GT nội bộ</i>			178.390	
2	<i>Đất bãi đỗ xe</i>			33.135	
	<b>Tổng cộng đất KCN</b>	<b>1.973.160</b>	<b>100,00</b>	<b>1.973.093</b>	<b>100,00</b>
	Đất hoàn trả đường giao thông thôn HT			3.030	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1.976.123</b>	

## 5. Các giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan.

Trên cơ sở định hướng quy hoạch chung đô thị Việt Yên, cơ cấu và phân khu chức năng công trình trong khu công nghiệp được quy hoạch tổng thể, kiến trúc cảnh quan hài hòa, đảm bảo mỹ quan, hiệu năng sử dụng;

- Khu công nghiệp được kết nối với giao thông đối ngoại thông qua điểm đầu nối với đường gom đường Cao tốc Hà Nội – Bắc Giang; đường nối Quốc lộ 17 với QL37; đường tỉnh ĐT295 và đường nội bộ khu công nghiệp Đình Trám các tuyến đường giao thông đối ngoại có mặt đường rộng từ 11,25m đến 15m; các tuyến đường này kết nối với khu công nghiệp; mạng lưới giao thông Cụm công nghiệp quy hoạch theo dạng ô bàn cờ tiếp cận các nhà máy, thuận tiện giao tiếp cho từng khu vực sản xuất cũng như trao đổi hàng hóa;

- Công trình hành chính được quy hoạch phía Nam cửa ngõ của khu công nghiệp, là nơi điều hành, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và công trình thương mại dịch vụ phục vụ cho khu công nghiệp;

- Quy hoạch các lô đất xây dựng nhà máy khoảng 2,0ha cho đến 16,0ha để thuận tiện bố trí cho các nhà máy, phù hợp với từng loại hình, dây chuyền công năng sản xuất của các nhà máy;

- Trạm xử lý nước thải và thu gom chất thải rắn được bố trí tại phía Tây Nam của khu công nghiệp, là khu vực có cao độ thấp để thuận lợi cho thoát nước sau khi được xử lý. Toàn bộ nước thải trong các nhà máy sản xuất được xử lý cục bộ trước khi thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung;

- Bố trí dải cây xanh cách ly với khu dân cư tạo cảnh quan, đảm bảo an toàn và cải tạo vi khí hậu trong khu công nghiệp.

## 6. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật.

a) *Giao thông:*

\* *Đường đối ngoại:*

- Quốc lộ 37 có mặt cắt (1-1) từ 44m - 45m; trong đó: QL37 rộng 29-30m, đường gom rộng 15m.

- Đường nối quốc lộ 17 với Quốc lộ 37 đang được thi công xây dựng có mặt cắt từ 27-34m.

- Đường tỉnh 295 rộng 15m; trong đó: mặt đường 12m, lề đường mỗi bên 1,5m.

\* *Đường trong khu công nghiệp:*

- Mặt cắt (1A-1A) là 34m; trong đó: Lòng đường  $2 \times 7,5 = 15\text{m}$ ; dải phân cách rộng 3m; hè đường 2 bên  $2 \times 8 = 16\text{m}$ .

- Mặt cắt (1-1) là 27m; trong đó: Lòng đường 15m; hè đường 2 bên  $2 \times 6 = 12\text{m}$ .

- Mặt cắt (2-2) là 25m; trong đó: Lòng đường 15m; hè đường 2 bên  $2 \times 5 = 10\text{m}$ .

- Mặt cắt (3-3) là 21,25m; trong đó: Lòng đường 11,25m; hè đường 2 bên  $2 \times 5 = 10$ m.

- Mặt cắt (3A-3A) là 18,25m, trong đó: Lòng đường 11,25m; hè đường 2 bên  $5 + 2 = 7$ m.

- Mặt cắt (4-4) là 20,5m, trong đó: Lòng đường 10,5m; hè đường 2 bên  $2 \times 5 = 10$ m.

- Mặt cắt (5-5) là 17,5m; trong đó: Lòng đường 7,5m; hè đường 2 bên  $2 \times 5 = 10$ m.

- Mặt cắt (5A-5A) là 13,5m (đường hoàn trả dân sinh trong KCN), trong đó: Lòng đường 7,5m; hè đường 2 bên  $2 \times 3 = 6$ m.

- Mặt cắt (6-6) là 12,0m (đường hoàn trả dân sinh thôn Mi Điền), trong đó: Lòng đường 8,0m; hè đường 2 bên  $2 \times 2 = 4$ m.

b) *San nền*: Căn cứ vào cao độ hiện trạng của khu vực, thiết kế cao độ san nền khu vực khu công nghiệp trung bình +4,75m; trong đó: Cao độ thấp nhất là: +4.45m; cao độ cao nhất là +5.9m.

c) *Thoát nước*:

Hệ thống thoát nước mưa và nước thải được thiết kế riêng hoàn toàn.

\* *Hệ thống thoát nước mưa*:

- Hướng thoát nước: Nước mưa được thoát theo hai hướng, hướng thứ nhất khu vực phía Tây Đông hướng thoát từ Tây sang Đông; hướng thứ 2 khu vực phía Đông Nam hướng thoát từ Bắc xuống Nam. Nước mưa được thoát ra mương tiêu T6 xung quanh khu công nghiệp và thoát ra khu vực kênh Ngòi Bún sau;

- Căn cứ vào lưu lượng nước mưa và bảng tính toán thủy lực, chọn đường kính cống thoát nước từ D600=D2000, độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu  $i = 1/D$ , cống được dùng là cống bê tông cốt thép ly tâm;

- Hoàn trả các tuyến kênh trong phạm vi khu công nghiệp gồm kênh T6, các mương thoát nước. Bố trí các tuyến kênh này ra ranh giới KCN, các mương điều chỉnh có kích thước từ 12-17m, chiều sâu trung bình từ 2-3m, mương thiết kế kè mái và đáy để tăng khả năng thoát nước cho khu vực;

- Xây dựng 01 hồ điều hòa rộng 16.674m<sup>2</sup>, chiều sâu đáy hồ trung bình 3m;

- Hệ thống giếng thu nước mưa được bố trí cách nhau 30m. Các hố ga dưới lòng đường được đổ bê tông và đập tấm đan bê tông cốt thép chịu lực.

\* *Hệ thống thoát nước thải*:

- Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất trong các nhà xưởng công nghiệp được xử lý cục bộ trước khi xả ra hệ thống cống thoát nước thải chung, sau đó được đưa về trạm xử lý công suất khoảng 6.000m<sup>3</sup>/ng.đ đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật. Nước thải phải được xử lý đạt loại A theo quy định sau đó thoát ra hệ thống kênh T6 thoát nước mưa;

- Mạng lưới đường công thu gom nước thải được thiết kế tự chảy với độ dốc tối thiểu  $i = 1/D$ , sử dụng công tròn D300;

- Sơ đồ thoát nước thải: Nước thải khu sản xuất được xử lý cục bộ → công thoát nước thải → trạm xử lý nước thải → xả ra hệ thống kênh thoát nước mưa khu vực.

*d) Cấp nước:*

- Dự kiến nguồn nước cấp cho khu công nghiệp sẽ dùng nguồn nước của đường ống cấp nước đường kính D710mm của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng nước DNP – Bắc Giang chạy dọc theo đường gom của đường Cao Tốc Hà Nội – Bắc Giang.

- Mạng lưới đường ống cấp nước trong khu vực quy hoạch được tổ chức theo sơ đồ mạch vòng và đường ống cắt;

- Căn cứ vào tính toán thủy lực mạng lưới cấp nước sử dụng ống D160-D315. Các tuyến ống được lắp đặt dọc theo đường nội bộ của khu; trên các tuyến đặt van chặn để thuận tiện cho công tác quản lý;

- Giải pháp cấp nước chữa cháy: Chữa cháy áp lực thấp, khi có cháy xe cứu hoả đến lấy nước tại các họng cứu hoả. Họng cấp nước cứu hoả được bố trí trên đường ống  $\geq D110$ . Khoảng cách giữa các trụ cứu hoả từ 100÷120m để đảm bảo bán kính phục vụ.

*e) Cấp điện điện:*

- Nguồn điện: Nguồn điện hiện tại được lấy từ nguồn điện trên Tuyến đường điện 35 KV chạy qua khu công nghiệp, sau khi xây dựng xong trạm biến áp 110KV tại khu đất HTKT2 của khu công nghiệp thì nguồn điện sẽ lấy từ trạm biến áp 110KV này.

- Lưới điện:

+ Lưới điện 35(22)kV cấp cho cụm công nghiệp bố trí đi nổi;

+ Lưới điện chiếu sáng sử dụng điện áp 0,4kV, chiều cao từ 7 - 10m, đường dây bố trí đi ngầm để đảm bảo mỹ quan;

- Trạm biến áp: Xây dựng các trạm biến áp cho từng nhà máy. Tổng công suất dự kiến toàn khu công nghiệp khoảng 40.929kVA.

Hạ tầng Khu công nghiệp xây dựng 04 trạm biến áp: Trạm biến áp 1: TBA250- 22/0.4kV, đặt tại khu dịch vụ khu công nghiệp; Trạm biến áp 1: TBA 400- 22/0.4kV, đặt tại nhà máy xử lý nước thải; Trạm biến áp 3: TBA 150- 22/0.4kV đặt tại bãi đỗ xe P3; Trạm biến áp 4: TBA 150- 22/0.4kV đặt tại bãi đỗ xe P4

*f) Chất thải rắn:* Chất thải rắn được thu gom tại chỗ và vận chuyển đến khu xử lý CTR chung của huyện Việt Yên.

*g) Đánh giá môi trường chiến lược:* Đồ án đã đánh giá môi trường chiến lược theo các quy định hiện hành, khi triển khai thực hiện cần tuân thủ các giải

pháp để đảm bảo phát triển bền vững, giảm thiểu các tác động ảnh hưởng đến môi trường toàn khu vực.

*h) Vị trí đường dây, đường ống kỹ thuật:* Hệ thống cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và nước mưa, thông tin liên lạc đều được bố trí trên phần đất hệ đường quy hoạch.

### **7. Những hạng mục chính ưu tiên đầu tư xây dựng.**

- *Công trình:* Khu hành chính, nhà xưởng sản xuất;
- *Hạ tầng kỹ thuật:* Hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện và khu xử lý nước thải.

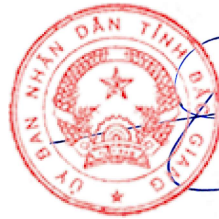
**Điều 2.** Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Việt Yên và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**